

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà nam

Bà Nguyễn Thị Như

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 01/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021.

Toà án nhân dân huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, giữa:

- *Nguyên đơn:* + Ông Lý Văn C, sinh năm 1960
+ Ông Lý Văn G, sinh năm 1952
+ Bà Nông Thị M, sinh năm 1927

Cùng địa chỉ: Thôn B3, xã Th, thị xã H, tỉnh Đ

- *Bị Đơn:* + Ông Lý Văn Ch, sinh năm 1963
+ Ông Nông Văn M1, sinh năm 1968
+ Bà Ngô Thị N, sinh năm 1976
+ Ông Nguyễn Văn H
+ Ông Nguyễn Văn P
+ Ông Ngô Văn H1, sinh năm 1966
+ Ông Nguyễn Ngọc S1, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Xóm P, thị trấn T, huyện Q, tỉnh C.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 08 tháng 02 năm 2021 của nguyên đơn kháng cáo với lý do không nhất trí với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 với lý do:

Trước khi thụ lý vụ án, bị đơn đã chết, người khởi kiện chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự (thuộc điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ Luật tố tụng dân sự) khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 202 của Luật đất đai 2013, cụ thể là: Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa đã thụ lý vụ án vào ngày 06/10/2020, nhưng trước đó một trong các bị đơn (ông Nguyễn Văn H chết ngày 20/01/2020) chết trước khi Tòa án thụ lý vụ án;

Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào ngày 26/01/2021, được biết, trước khi tiến hành hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn T nguyên đơn đã được Ủy ban nhân dân thị trấn T mời về xác minh hiện trạng đất tranh chấp nhiều lần nhưng không có mặt. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thị trấn T chỉ căn cứ vào đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất của nguyên đơn tự tiến hành xác minh dựa trên tư cận tiếp giáp theo mô tả trong đơn; nguyên đơn đã không trực tiếp cùng Ủy ban nhân dân thị trấn đi xác minh hiện trạng đất sử dụng, tên những người trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp, diện tích, loại đất tranh chấp, quá trình sử dụng, do vậy, Ủy ban nhân dân thị trấn T không có sơ đồ, bản vẽ kèm theo sau khi xác minh thực trạng;

Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 06/11/2019, thiếu thành phần tham gia hòa giải là những người liên quan như vợ, chồng, con đang sinh sống trên đất tranh chấp.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 08 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn Lý Văn C kháng cáo đề nghị hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tại

đơn trình bày ý kiến nguyên đơn Lý Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo bởi lý do:

Thứ nhất: Theo nội dung khởi kiện chúng tôi yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy bán ruộng đất) giữa bên chuyển nhượng là bà Nông Thị M với bên nhận chuyển nhượng là ông Lý Văn Ch, Nguyễn Văn H, Ngô Văn R, Nông Văn M lập ngày 25/11/1992 vô hiệu toàn bộ vì lý do: Hợp đồng không được công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền; ông Lý Văn S (chồng bà M) không đồng ý, không ký tên vào giấy sang nhượng và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là: yêu cầu Lý Văn Ch; ông Nông Văn M1, ông Nông Văn Th, bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn P, ông Ngô Văn H1, ông Nguyễn Văn S1 trả lại cho gia đình chúng tôi toàn bộ diện tích đã lấn chiếm. Theo nội dung chúng tôi khởi kiện thì đây không phải tranh chấp quyền sử dụng đất mà là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tuyên hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu). Căn cứ vào đoạn 2 khoản 2 điều 3 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì thủ tục hòa giải không bắt buộc và trước khi khởi kiện không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải tại cấp xã, phường, thị trấn. Do đó, việc tòa án huyện Quảng Hòa đình chỉ vì lý do chúng tôi không thực hiện thủ tục hòa giải là không có cơ sở. Việc Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa cho rằng đây là quan hệ về tranh chấp quyền sử dụng đất là cố tình xác định sai quan hệ pháp luật.

Thứ hai: Trong trường hợp ông H chết chúng tôi có thể thay đổi nội dung khởi kiện là khởi kiện những người thuộc hàng thừa kế hợp pháp của ông H.

Hội đồng xét kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự xét thấy:

Thứ nhất: Nguyên đơn Lý Văn C, Lý Văn G, Nông Thị M khởi kiện các bị đơn Lý Văn Ch, Nông Văn M1, Nông Văn Th, Ngô Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn P, Ngô Văn H1, Nguyễn Văn S1 yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy bán ruộng đất) giữa bên chuyển nhượng là bà Nông Thị M và bên nhận chuyển nhượng là ông Lý Văn Ch, Nguyễn Văn H, Ngô Văn R, Nông Văn M1 lập ngày 25/11/1992 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa khi thụ lý vụ án lại xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài

sản gắn liền trên đất” là chưa đúng. Tại khoản 2 Điều 3, nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện và quyền nộp lại đơn khởi kiện vụ án quy định như sau: “....*Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,... thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án*”. Do vậy, trong vụ án này thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn T không phải là điều kiện khởi kiện vụ án.

Thứ hai: Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa đã thụ lý vụ án vào ngày 06/10/2020 nhưng trước đó một trong các bị đơn (ông Nguyễn Văn H chết ngày 20/01/2020) chết trước khi tòa án thụ lý vụ án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn hoặc bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế.*” Trong vụ án này bị đơn Nguyễn Văn H đã chết, tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm không xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Văn H để đưa vào tham gia tố tụng giải quyết vụ án mà đình chỉ giải quyết vụ án là chưa đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn Lý Văn C là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

- Ông Lý Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông C được trả lại 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2018/0001868 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS huyện Quảng Hòa,
Tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện Quảng Hòa,
Tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Ngôn Ngọc Viên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 72-DS:

(1) và (3) Ghi tên Tòa án ra quyết định. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(2) Trường hợp quyết định giải quyết việc kháng cáo thì bỏ hai chữ “kháng nghị”; nếu quyết định giải quyết việc kháng nghị bỏ hai chữ “kháng cáo”. Trường hợp giải quyết kháng cáo (hoặc kháng nghị) đối với quyết định tạm đình chỉ thì bỏ chữ “đình chỉ”; nếu giải quyết kháng cáo (hoặc kháng nghị), đối với quyết định đình chỉ thì bỏ chữ “tạm đình chỉ”

(4) Ghi ngày, tháng, năm, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên của người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày... tháng... năm... nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị, thì ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị và số, ngày, tháng, năm kháng nghị, nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(5) Ghi cụ thể lý do của việc kháng cáo, kháng nghị.

(6) Nêu phần nhận định, phân tích của Hội đồng phúc thẩm về các lý do của kháng cáo, kháng nghị, những căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

(7) Ghi quyết định của Hội đồng phúc thẩm theo một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(8) Quyết định về án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự (nếu thuộc trường hợp phải nộp án phí phúc thẩm, thì ghi rõ trong quyết định số tiền phải nộp là bao nhiêu; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn) tiền án phí phúc thẩm, thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn) tiền án phí phúc thẩm).